

BỘ TƯ PHÁP
Số: 02/2002/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2002

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 94/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001

của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Luật sư

Căn cứ Nghị định số 38/CP ngày 4/6/1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 94/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh luật sư (sau đây gọi tắt là Nghị định);

Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định như sau:

1. Về đào tạo nghề luật sư

1.1 Chương trình đào tạo nghề luật sư bao gồm những nội dung sau đây:

a) Pháp luật về hành nghề luật sư;

b) Kỹ năng tranh tụng;

c) Kỹ năng tư vấn pháp luật;

d) Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp luật sư.

Chương trình chuẩn về đào tạo nghề luật sư do Bộ Tư pháp ban hành.

1.2 Việc đào tạo nghề luật sư được thực hiện bằng hình thức đào tạo tập trung theo quy hoạch, kế hoạch và chương trình chuẩn về đào tạo nghề luật sư của Bộ Tư pháp.

Trường Đào tạo các chức danh tư pháp của Bộ Tư pháp có nhiệm vụ thực hiện việc đào tạo nghề luật sư ở Việt Nam. Tổ chức xã hội- nghề nghiệp của luật sư có thể tham gia đào tạo nghề luật sư khi có đủ điều kiện được Bộ Tư pháp chấp thuận.

1.3 Vụ Quản lý luật sư, tư vấn pháp luật chủ trì phối hợp với Trường Đào tạo các chức danh tư pháp xây dựng và trình Bộ trưởng quyết định quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm về đào tạo nghề luật sư.

1.4 Người tốt nghiệp khoá đào tạo nghề luật sư được cơ sở đào tạo nghề luật sư cấp Chứng chỉ tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư theo mẫu do Bộ Tư pháp quy định.

1.5 Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài được công nhận ở Việt Nam, nếu khoá đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài có các nội dung quy định tại điểm 1.1 của Thông tư này và có thời gian đào tạo ít nhất là 6 tháng.

Khi người xin gia nhập Đoàn luật sư có giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài thì Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp công nhận giấy chứng nhận đó. Kèm theo văn bản đề nghị phải có bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài và các giấy tờ chứng minh về nội dung, thời gian đào tạo. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Đoàn luật sư, Vụ quản lý luật sư, tư vấn pháp luật của Bộ Tư pháp có văn bản trả lời về việc công nhận giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài.

2. Về quy chế kiểm tra hết tập sự hành nghề luật sư

2.1 Nội dung kiểm tra hết tập sự hành nghề luật sư bao gồm:

- a) Kỹ năng tư vấn pháp luật;
- b) Kỹ năng tranh tụng;
- c) Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp luật sư.

2.2 Hình thức kiểm tra hết tập sự hành nghề luật sư bao gồm:

- a) Kiểm tra viết;
- b) Kiểm tra thực hành.

2.3 Việc tổ chức kiểm tra hết tập sự hành nghề luật sư được thực hiện định kỳ mỗi quý 1 lần.

Chậm nhất là ngày 15 của tháng cuối quý, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư lập danh sách luật sư tập sự hết thời hạn tập sự vào quý tiếp theo gửi Bộ Tư pháp.

Căn cứ vào số lượng luật sư tập sự do các Đoàn luật sư đề nghị, Bộ Tư pháp quyết định tổ chức kiểm tra hết tập sự theo khu vực và thông báo danh sách luật sư tập sự được tham dự kiểm tra, thời gian, địa điểm kiểm tra cho các Đoàn luật sư trong khu vực.

Luật sư tập sự của Đoàn luật sư ngoài khu vực kiểm tra đã hoàn thành thời gian tập sự, nếu có nguyện vọng và được Đoàn luật sư đó giới thiệu cũng có thể được tham dự kiểm tra.

2.4 Hội đồng kiểm tra được thành lập theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Thành phần Hội đồng kiểm tra gồm có:

- a) Đại diện của Bộ Tư pháp làm Chủ tịch Hội đồng kiểm tra;
- b) Các luật sư có trình độ và uy tín nghề nghiệp do Bộ Tư pháp chỉ định theo sự giới thiệu của các Đoàn luật sư trong khu vực;
- c) Đại diện Sở Tư pháp của địa phương nơi tổ chức kiểm tra là chuyên gia pháp lý am hiểu nghề luật sư;
- d) Đại diện Hội luật gia của một trong các địa phương trong khu vực là chuyên gia pháp lý am hiểu nghề luật sư;
- đ) Đại diện Trường Đào tạo các chức danh tư pháp.

Giúp việc cho Hội đồng kiểm tra có Tổ thư ký do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quyết định.

2.5. Hội đồng kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Hướng dẫn thể lệ, quy chế kiểm tra;
- b) Hướng dẫn nội dung kiểm tra và tài liệu tham khảo;
- c) Tổ chức, tiến hành kiểm tra và cho điểm kiểm tra;
- d) Công bố điểm kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra cho các Đoàn luật sư có luật sư tập sự tham dự kỳ kiểm tra.

2.6. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra điều hành việc kiểm tra, chọn và niêm phong đề kiểm tra, cử thành viên của Hội đồng tiến hành kiểm tra và cho điểm.

2.7 Điểm bài kiểm tra viết và bài kiểm tra thực hành được tính theo thang điểm 10. Luật sư tập sự đạt yêu cầu kiểm tra hết tập sự phải có số điểm mỗi bài kiểm tra đạt

từ 5 điểm trở lên.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày công bố kết quả kiểm tra, luật sư tập sự có thể khiếu nại về kết quả kiểm tra. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra giải quyết khiếu nại về kết quả kiểm tra trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại và trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại. Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, người khiếu nại có quyền khiếu nại tiếp lên Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là quyết định cuối cùng.

3. Về việc sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư

3.1 Chứng chỉ hành nghề luật sư là giấy chứng nhận của Nhà nước về quyền hành nghề luật sư của người được cấp Chứng chỉ. Người là thành viên chính thức của Đoàn luật sư mới được sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư để hành nghề luật sư. Số của Chứng chỉ hành nghề luật sư được ghi trong Thẻ luật sư.

3.2 Người có Chứng chỉ hành nghề luật sư không được sử dụng Chứng chỉ để hành nghề luật sư trong các trường hợp sau đây:

- a. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;
- b. Đang bị quản chế hành chính;
- c. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- d. Không còn là thành viên Đoàn luật sư do được bầu hoặc được tuyển dụng làm cán bộ, công chức, do xin ra khỏi Đoàn luật sư hoặc bị xóa tên khỏi Danh sách luật sư của Đoàn luật sư.

3.3 Thẻ luật sư là giấy chứng nhận tư cách thành viên Đoàn luật sư của người được cấp Thẻ. Thẻ luật sư được cấp cho thành viên chính thức của Đoàn luật sư để sử dụng khi hành nghề. Luật sư tập sự được cấp Thẻ luật sư tập sự.

Thẻ luật sư và Thẻ luật sư tập sự do Bộ Tư pháp thống nhất phát hành.

Thủ tục cấp, sử dụng Thẻ luật sư và Thẻ luật sư tập sự do Điều lệ Đoàn luật sư quy định.

3.4 Khi thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của khách hàng, luật sư phải có Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề luật sư. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức yêu cầu thì luật sư xuất trình Thẻ luật sư.

4. Về tổ chức hành nghề luật sư

4.1 Trong việc thực hiện đăng ký hoạt động cho Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh, chi nhánh Văn phòng luật sư, chi nhánh Công ty luật hợp danh, Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ đăng ký hoạt động của Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh, chi nhánh Văn phòng luật sư, chi nhánh Công ty luật hợp danh. Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp trao giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ.

b) Ghi vào Sổ đăng ký hoạt động và cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh, chi nhánh Văn phòng luật sư, chi nhánh Công ty luật hợp danh.

Giấy đăng ký hoạt động được đánh số như sau:

Hai chữ số đầu là mã tỉnh (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này); hai chữ số tiếp theo là mã của loại hình tổ chức hành nghề luật sư (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này); bốn chữ số tiếp theo là số thứ tự đăng ký của tổ chức hành nghề luật sư, kể cả chi nhánh;

c) Nhận thông báo của Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh về việc thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động, lập chi nhánh, tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của Văn phòng, Công ty, chi nhánh Văn phòng, Công ty. Khi tiếp nhận thông báo, Sở Tư pháp ghi nội dung thông báo vào Sổ đăng ký hoạt động và Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh, chi nhánh Văn phòng luật sư, chi nhánh Công ty luật hợp danh.

d) Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh, chi nhánh Văn phòng luật sư, chi nhánh Công ty luật hợp danh trong phạm vi địa phương cho cá nhân, tổ chức có yêu cầu theo quy định của pháp luật.